TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN PHÙ YÊN** **TỈNH SƠN LA**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: 82/2019/HS-ST
Ngày 29 - 11 - 2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÙ YÊN, TỈNH SƠN LA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Lê Lương Anh.

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đinh Công Ó.

2. Bà Lê Thị Bống – Nguyên giáo viên, đã nghỉ hưu.

- Thư ký phiên toà: Bà Lê Thị Ngoãn - Thư ký Toà án nhân dân huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phù Yên tham gia phiên toà: ông Đinh Văn Thu - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 11 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La, xét xử sơ thẩm, công khai vụ án hình sự thụ lý số: 81/2019/TLST – HS, ngày 11/11/2019, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 81/2019/QĐXXST - HS, ngày 15/11/2019 đối với bị cáo:

- Sồng A S (tên gọi khác: Không), sinh ngày 03/4/2002 tại huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La (bị cáo phạm tội khi được 17 tuổi 5 tháng 26 ngày); Nơi đăng ký HKTT tại: bản Sối T, xã Sối T, huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La; Trình độ học vấn: 5/12; Nghề nghiệp: Trồng trọt. Dân tộc: Mông; Quốc tịch: Việt Nam. Tôn giáo, Đảng phái, đoàn thể: Không. Con ông Sồng Chứ V, sinh năm 1964 và bà Thào Thị C, sinh năm 1966, đều trú tại bản Sối T, xã Sối T, huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La. Bị cáo Cha có vợ, con. Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn "Cấm đi khỏi nơi cư trú", bị cáo có mặt tại phiên tòa.

Người đại diện hợp pháp của bị cáo:

- Anh Sồng A Ch, sinh năm 1992; cư trú tại bản Sối T, xã Sối T, huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La. Có mặt tại phiên tòa.

Người bào chữa cho bị cáo:

- Ông Trần Minh Huấn – Đoàn Luật sư tỉnh Sơn La – Luật sư thực hiện trợ giúp pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Sơn La. Vắng mặt

có lý do.

Người bị hại:

- Ông Sồng Chứ L, sinh năm 1964; Nơi cư trú: bản Sối T, xã Sối T, huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La. Có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 02 giờ sáng ngày 29/9/2019, Sồng A S đi bộ đến khu vực vườn của nhà ông Sồng Chứ L, trú tại bản Sối T, xã Suối T, huyện Phù Yên lấy trộm một con trâu khoảng 04 năm tuổi rồi thuê xe ô tô của anh Nguyễn Trí Th, trú tại tiểu khu 03, thị trấn Phù Yên chở con trâu đi vào khu vực xã Kim B để bán, S đã gặp và bán con trâu cho ông Giàng A P, sinh năm 1967, trú tại bản Sối Vạ, xã Kim B, huyện Phù Yên với giá 20.400.000,đ.

Sau khi mất trộm tài sản, ông Sồng Chứ L đã làm đơn trình báo gửi các cơ quan chức năng điều tra, xác minh, làm rõ vụ việc. Qua quá trình điều tra, đến khoảng 17 giờ ngày 29/9/2019 cơ quan công an huyện Phù Yên đã xác định được Sồng A S là người thực hiện hành vi trộm cắp tài sản của ông L và đã thu hồi tài sản trả cho ông L.

Ngày 29/9/2019 cơ quan cảnh sát điều tra công an huyện Phù Yên ra yêu cầu định giá tài sản giá trị đối với con trâu bị lấy trộm có đặc điểm 01 con trâu đực, loại trâu ta, khoảng 04 năm tuổi, mỗi bên sừng dài 30 cm, trâu không có dấu hiệu bị bệnh tật hay thương tích, các bộ phận trên cơ thể còn nguyên vẹn, trâu còn sống và khỏe mạnh, tại thời điểm ngày 29/9/2019 khối lượng cân tịnh con trâu là 350kg.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 25/KLĐGTS, ngày 30/9/2019 của Hội đồng định giá tài sản của huyện Phù Yên kết luận: Con trâu trên trị giá 30.000.000,đ (Ba mươi triệu đồng).

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, Sồng A S khai nhận hành vi phạm tội như sau:

Khoảng 02 giờ sáng ngày 29/9/2019 Sồng A S đi bộ một mình đến khu vực chuồng trâu của ông Sồng Chứ L, tại bản Sối T, xã Sối T, huyện Phù Yên, đến đây S đã lấy sợi dây thừng rồi buộc vào cổ trâu rồi dắt về hướng bản Suối L, xã Huy B, huyện Phù Yên, đến gần đường bê tông S buộc con trâu tại đó rồi quay về nhà lấy chiếc xe máy BKS 26D1 205.87 rồi quay lại chỗ con trâu, sau đó S dùng điện thoại của mình gọi cho anh Nguyễn Trí Th thuê ô tô chở trâu đi bán tại xã Kim Bon với giá 650.000,đ, anh Th đồng ý và đến khoảng 05 giờ sáng cùng ngày anh Th lái xe ô tô đến khu vực đầu bản Suối L gặp S rồi cùng S cho con trâu lên thùng xe, anh Th lái xe chở trâu còn S đi xe máy theo sau, đến khu vực bản P, xã Tường T, huyện Phù Yên S bảo dừng xe cho trâu xuống rồi trả công cho anh Th số tiền 650.000,đ. Sau đó S dắt con trâu đi lên hướng bản Suối

P, xã Kim B, trên đường đi S gặp ông Giàng A P, trú tại bản Suối V, xã Kim B, S và ông P trao đổi và thống nhất bán con trâu với giá 20.400.000,đ, sau khi ông P giao số tiền trên cho S, S đã đi về thị trấn Phù Yên chi tiêu hết 3.305.000,đ, số tiền còn lại S đem về nhà cất giữ, đến 17 giờ cùng ngày S bị cơ quan công an triệu tập làm việc và đã khai nhận hành vi phạm tội, đồng thời giao nộp toàn bộ số tiền còn lại là 17.095.000,đ.

Tại phiên tòa người bị hại ông Sồng Chứ L không yêu cầu bị cáo phải bồi thường thiệt hại và có ý kiến xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo.

Do có hành vi trên, tại bản cáo trạng số: 80/CT - VKS – PY, ngày 08/11/2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Phù Yên đã truy tố bị cáo Sồng A S về tội Trộm cắp tài sản theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Tại phiên toà vị đại diện Viện kiểm sát vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố đối với bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố bị cáo Sồng A S phạm tội Trộm cắp tài sản.

Về hình phạt: áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm s, i khoản 1, khoản 2 Điều 51, điều 91, điều 100, điều 36 Bộ luật hình sự: Xử phạt bị cáo Sồng A S từ 09 đến 12 tháng cải tạo không giam giữ.

Không áp dụng hình phạt bổ sung (phạt tiền) đối với bị cáo.

Về vật chứng: Chấp nhận cơ quan điều tra Công an huyện Phù Yên đã trả lại 01 con trâu 04 năm tuổi cho ông Sồng Chứ L và trả lại chiếc xe máy nhãn hiệu HONDA Blade màu đen – đỏ, BKS 26D1 205.87 cho ông Sồng Chứ V.

Áp dụng điểm a khoản 1 điều 47 Bộ luật Hình sự; điểm a khoản 2 điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự: Tịch thu sung công quỹ Nhà nước 01 chiếc điện thoại nhãn hiệu Masstel model A1601 màu đỏ - đen, điện thoại cũ, đã qua sử dụng, không có sim.

Về trách nhiệm dân sự: Chấp nhận sự tự nguyện của của người bị hại ông Sồng Chứ L không yêu cầu bị cáo phải bồi thường và chấp nhận cơ quan điều tra công an huyện Phù Yên đã trả lại cho người có quyền lợi liên quan ông Giàng A P số tiền 17.095.000,đ và bị cáo Sồng A S đã trả lại cho ông Giàng A P số tiền 3.305.000,đ.

Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Người bào chữa cho bị cáo gửi bản bào chữa với nội dung: Hành vi của bị cáo Sồng A S bị Viện kiểm sát nhân dân huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La truy tố về tội Trộm cắp tài sản theo quy định tại khoản 1 điều 173 Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội theo quy định của pháp luật. Bị cáo phạm tội khi đang là vị thành niên, được 17 tuổi 5 tháng 26 ngày, phạm tội lần đầu, không có tiền án, tiền sự và thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, người bị hại có ý kiến xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, giao bị cáo cho chính quyền địa phương quản lý, giáo dục. Bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 điều 51, không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Người đại diện hợp pháp của bị cáo anh Sồng A Ch trình bày: Bị cáo phạm tội khi Chưa đủ tuổi trưởng thành, Chưa có đầy đủ nhận thức, hiểu biết xã hội và kỹ năng sống, bị cáo phạm tội do có lỗi của gia đình quản lý, giám sát Chưa đầy đủ, bị cáo đã rất hối hận, thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải do đó mong muốn Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được cải tạo không giam giữ để bị cáo được trở thành người công dân tốt cho xã hội.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên toà; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà. Trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo, người đại diện hợp pháp của bị cáo; ý kiến của người bào chữa cho bị cáo và người bị hại.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Quá trình điều tra, truy tố, Cơ quan điều tra Công an huyện Phù Yên, Điều tra viên và Viện kiểm sát nhân dân huyện Phù Yên, Kiểm sát viên đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự về hoạt động điều tra, truy tố, đồng thời đã giải thích, tạo điều kiện để bị cáo và những người tham gia tố tụng khác thực hiện đúng, đủ các quyền và nghĩa vụ của họ. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo; người đại diện hợp pháp của bị cáo, người bị hại không có ý kiến hay khiếu nại gì về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Người bào chữa cho bị cáo đã được nhận quyết định đưa vụ án ra xét xử và giấy triệu tập để tham gia bào chữa cho bị cáo nhưng có ý kiến đề nghị xét xử vắng mặt vì lý do cá nhân, đã gửi bài bào chữa cho bị cáo cho Hội đồng xét xử, bị cáo và người đại diện hợp pháp của bị cáo nhất trí xét xử vắng mặt người bào chữa, việc vắng mặt của người bào chữa cho bị cáo không ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án, căn cứ điều 291 Bộ luật Tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử quyết định vẫn tiến hành xét xử.

Bị cáo là người dưới 18 tuổi, do đó thành phần Hội đồng xét xử có một Hội thẩm nhân dân là giáo viên, đã nghỉ hưu, phù hợp với quy định tại khoản 1 điều 423 Bộ luật Tố tụng hình sự.

[2] Về hành phạm tội của bị cáo: 29/9/2019 Sồng A S có hành vi lén lút, bí mật chiếm đoạt 01 con trâu của ông Sồng Chứ L trị giá 30.000.000,đ

Xét tại phiên tòa bị cáo giữ nguyên lời khai tại cơ quan điều tra, không bổ sung thêm nội dung gì làm thay đổi nội dung của vụ án, bị cáo hoàn toàn nhất trí với hành vi phạm tội như quyết định truy tố của Viện kiểm sát.

Hành vi phạm tội của bị cáo được chứng minh bằng các căn cứ sau: Đơn trình báo mất tài sản của ông Sồng Chứ L; Bản kết luận định giá tài sản số 25/KLĐGTS, ngày 30/9/2019 của Hội đồng định giá tài sản huyện Phù Yên; Các tài liệu và lời khai nhận tội của bị cáo; Sơ đồ, bản ảnh hiện trường; Lời khai của người bị hại, người liên quan; Các tài liệu về việc tạm giữ, giao trả tài sản và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án.

Với các căn cứ chứng minh trên có đủ cơ sở kết luận Sồng A S đã phạm tội Trộm cắp tài sản tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

[3] Xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo: Bị cáo thực hiện hành vi trộm cắp tài sản có trị giá 30.000.000,đ, đã phạm tội trộm cắp tài sản theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự, có mức hình phạt đến 03 năm tù, thuộc trường hợp ít nghiêm trọng.

Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, ảnh hưởng đến tình hình an ninh trật tự tại địa phương, ảnh hưởng đến quyền lợi của người bị hại, người liên quan. Đặc biệt hiện nay tình trạng mất trộm trâu, bò tại các xã, bản trong địa bàn huyện Phù Yên ngày càng gia tăng, diễn biến phức tạp.

Bị cáo chưa có tiền án, tiền sự. Tuy bị cáo là người chưa thành niên phạm tội nhưng bị cáo là người có sức khỏe, không chịu khó tu trí làm ăn, lao động, học tập, thích ăn chơi đua đòi, đã chiếm đoạt tài sản có giá trị lớn. Do đó cần xử phạt bị cáo với mức án tương xứng với tính chất mức độ hành vi phạm tội bị cáo gây ra, cần cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian để đảm bảo giáo dục riêng, phòng ngừa chung.

[4] Tuy nhiên khi quyết định hình phạt cũng cần xem xét: Bị cáo phạm tội khi chưa đủ 18 tuổi, sau khi phạm tội bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, người bị hại có ý kiến xin giảm nhẹ hình phạt là tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điều 91, điều 101 Bộ luật hình sự. Do vậy, cần giảm nhẹ phần nào hình phạt đối với bị cáo, thể hiện sự khoan hồng của pháp luật và chính sách nhân đạo của Nhà nước.

[5] Về hình phạt bổ sung - Phạt tiền: bị cáo là người chưa thành niên, không có tài sản riêng có giá trị, gia đình có hoàn cảnh khó khăn nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Người bị hại ông Sồng Chứ L đã được nhận lại tài sản, không yêu cầu gì thêm về bồi thường, nên cần chấp nhận.

[7] Về vật chứng vụ án: Áp dụng điểm a khoản 1 điều 47 Bộ luật Hình sự; điểm a khoản 2 điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự: Đối với 01 chiếc điện thoại nhãn hiệu Masstel model A1601 màu đỏ - đen, điện thoại cũ, đã qua sử dụng, không có sim. Xác định là tài sản của bị cáo Sồng A S đã sử dụng vào việc phạm tội, do đó cần tịch thu sung công quỹ Nhà nước.

Đối với chiếc xe máy nhãn hiệu HONDA Blade màu đen – đỏ, BKS 26D1 205.87, qua điều tra xác định là tài sản chung của gia đình ông Sồng Chứ V dùng để làm phương tiện đi lại chung cho cả gia đình, việc bị cáo S sử dụng chiếc xe trên làm phương tiện phạm tội gia đình và bản thân ông V không biết, do đó cơ quan điều tra đã trả lại chiếc xe trên cho ông Sồng Chứ V là đúng quy định, cần chấp nhận.

[8] Đối với ông Giàng A P, sinh năm 1967, trú tại bản Sối V, xã Kim B, huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La, là người đã mua con trâu do bị cáo trộm cắp mà có với giá 20.400.000,đ, tuy nhiên ông P không biết con trâu trên là do phạm tội mà có nên không liên quan đến hành vi phạm tội của bị cáo. Việc ông P thanh toán trả tiền cho bị cáo là ngay thẳng, sau khi cơ quan điều tra thu giữ được số tiền 17.095.000,đ của bị cáo S và đã trả lại số tiền trên cho ông P, trong quá trình điều tra bị cáo Sồng A S đã trả lại cho ông Giàng A P số tiền 3.305.000,đ, ông P đã nhận đủ số tiền 20.400.000,đ và không có ý kiến gì, hành vi của ông P không liên quan đến hành vi phạm tội nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Đối với anh Nguyễn Trí Th, sinh năm 1980, trú tại tiểu khu 03, thị trấn Phù Yên là người đã lái chiếc xe ô tô BKS 26K 7573 chở trâu thuê cho bị cáo S đi vào đến bản P, xã Tường T, huyện Phù Yên để bán, qua điều tra, xác minh anh Th không biết được S đã trộm cắp trâu để đi bán, do đó hành vi của anh Th không liên quan đến hành vi phạm tội của bị cáo.

[9] Bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Tuyên bố bị cáo Sồng A S phạm tội Trộm cắp tài sản.

Về hình phạt: Căn cứ vào khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điều 91, điều 101 Bộ luật hình sự:

- Xử phạt bị cáo Sồng A S 10 (Mười) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo vào Trại giam (Trại tạm giam, Nhà tạm giữ) chấp hành quyết định thi hành án.

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Về vật chứng vụ án: Áp dụng điểm a khoản 1 điều 47 Bộ luật Hình sự; điểm a khoản 2 điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự: Tịch thu sung công quỹ Nhà nước 01 (Một) phong bì thư của Công an huyện Phù Yên bên trong đựng 01 (Một) chiếc điện thoại nhãn hiệu Masstel model A1601 màu đỏ - đen, điện thoại cũ, đã qua sử dụng, không có sim. Mặt sau phong bì có đầy đủ chữ ký của thành phần tham gia niêm phong và 02 dấu đỏ của cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Phù Yên đóng giáp lai.

(Theo biên bản giao nhận vật chứng, tài sản số 11/BB – GNVC, ngày 08/11/2019 giữa Công an huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La).

Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 và khoản 1 Điều 21, điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14: Buộc bị cáo Sồng A S phải chịu 200.000,đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo; Người đại diện hợp pháp của bị cáo; Người bị hại được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 29/11/2019); Người bào chữa cho bị cáo vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày b ản án được niêm yết công khai theo quy định của pháp luật./.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà

Lê Lương Anh

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Sơn La;
- Sở Tư pháp tỉnh Sơn La;
- VKSND huyện Phù Yên (2);
- Công an huyện Phù Yên;
- THAHS;
- Chi cục THADS huyện Phù Yên;
- Bị cáo; Người đại diện HP của bị cáo;
- Người bị hại;
- Người bào chữa cho bị cáo;
- Lưu HS, AV.